

# CÔNG THƯƠNG

TẠP CHÍ CÔNG THƯƠNG - CƠ QUAN THÔNG TIN LÝ LUẬN CỦA BỘ CÔNG THƯƠNG

ISSN: 0866-7756

VIET NAM TRADE AND INDUSTRY REVIEW

## CÁC KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ

SỐ 18 - THÁNG 8/2023



8 938509 560002

Website: <http://tapchicongthuong.vn>



## HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP

**GS.TS. Trần Thọ Đạt**

**GS.TS. Trần Văn Địch**

**GS.TS. Nguyễn Bách Khoa**

**GS.TSKH. Đỗ Ngọc Khuê**

**GS.TSKH. Bành Tiến Long**

**GS.TSKH. Nguyễn Xuân Quỳnh**

**GS.TS. Đinh Văn Sơn**

**GS.TSKH. Trần Văn Sung**

**GS.TS. Lê Văn Tán**

**GS. TS. Phạm Minh Tuấn**

**GS.TSKH. Đào Trí Úc**

**GS.TSKH. Đặng Ứng Vận**

**GS.TS. Võ Khánh Vinh**

## TỔNG BIÊN TẬP

**ThS. Đặng Thị Ngọc Thu**

ĐT: 0968939668

## PHÓ TỔNG BIÊN TẬP

**Ngô Thị Diệu Thúy**

ĐT: 024.22218228 - 0903223096

**Phạm Thị Lệ Nhung**

ĐT: 0912093191

## TÒA SOẠN

Tầng 8, số 655 Phạm Văn Đồng,  
Bắc Từ Liêm, Hà Nội.

Ban Trị sự - ĐT: 024.22218238

Ban Thư ký - Xuất bản

ĐT: 024.62694445

Ban Truyền thông - ĐT: 024.22218239

Ban Chuyên đề - ĐT: 024.22218229

Ban Phóng viên - ĐT: 024.22218228

Trung tâm Thông tin Đa phương tiện

ĐT: 024.22218236

Email: tapchicongthuong.moit@gmail.com

## VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN PHÍA NAM

Số 12 Nguyễn Thị Minh Khai, P. Đa Kao,

Q. 1, TP. Hồ Chí Minh

ĐT: (028) 38213488

Fax: (028) 38213478

Giấy phép hoạt động báo chí số:

196/GP-BTTTT

Cấp ngày 05/06/2013

Trình bày: Tại Tòa soạn

In tại Công ty CP Đầu tư và

Hợp tác quốc tế

Giá 250.000 đồng

**Website: [www.tapchicongthuong.vn](http://www.tapchicongthuong.vn)**

# MỤC LỤC

## CONTENTS

ISSN: 0866-7756 Số 18 - Tháng 8/2023

### LUẬT

#### NGUYỄN SƠN TÙNG

Một số vấn đề về quyền riêng tư trong quy định của Luật Báo chí - Thực trạng và kiến nghị hoàn thiện  
Some issues about the right to privacy in the Law on Press: Current situations and improvement recommendations.....8

#### ĐẶNG THÀNH Y

Pháp luật chuộc lại tài sản đã bán của Việt Nam và một số quốc gia trên thế giới  
The rights of sold property redemption under Vietnam and other countries' regulations.....14

#### LƯƠNG KHẢI ÂN

Giá trị pháp lý của thông điệp dữ liệu trong giao dịch thương mại điện tử và trong hoạt động tố tụng  
giải quyết những tranh chấp theo pháp luật Việt Nam  
The legal value of data messages in e-commerce transactions and in civil proceedings  
to resolve civil proceedings in accordance to Vietnam's laws .....20

#### PHẠM BÁCH TÙNG - NGUYỄN THỊ LOAN

Biện pháp tạm giam đối với người dưới 18 tuổi trong tố tụng hình sự Việt Nam - Thực tiễn tại tỉnh Lâm Đồng  
Temporary detention measures for people under 18 years old in accordance  
with Vietnam's Criminal Procedure Code - Practice in Lam Dong province .....26

#### HOÀNG CHÍ KIÊN

Quy định trách nhiệm hình sự của pháp nhân trong lịch sử lập pháp Việt Nam  
Criminal laws on the criminal liability of commercial legal entities in Vietnam .....32

#### VŨ THỊ NHƯ HOA

Hoạt động giám sát của Mặt trận Tổ quốc đối với công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực ở Việt Nam hiện nay  
Supervision activities of the Vietnamese Fatherland Front for preventing corruption and negativity .....37

#### NGUYỄN THỊ THẢO ANH

Thực trạng pháp luật Việt Nam trong việc áp dụng hàng rào phi thuế quan liên quan đến  
bảo vệ môi trường và sức khỏe con người trong thương mại quốc tế  
Vietnam's laws on the application of non-tariff barriers to protect human health  
and the environment in international trade activities .....42

#### NGUYỄN TRẦN VĨNH LINH

Một số kiến nghị hoàn thiện chính sách quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai năm 2013  
Some recommendations to improve policies on land use and land use planning under the Law on Land 2013 .....47

### KINH TẾ

#### TRỊNH ANH TUÂN - TRỊNH TUẤN NGỌC MINH

Các nhân tố ảnh hưởng tới phát triển kinh tế ban đêm  
Factors affecting the development of the night-time economy.....54

**LÊ NHÂN MỸ - TRẦN NGUYỄN NGỌC ANH THƯ**

Giải pháp phát triển ngành Công nghiệp điện tử trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh  
Solutions for the development of Ho Chi Minh City's electronics industry.....61

**BÙI THỊ HUỆ**

Kinh nghiệm điều chỉnh chính sách tài khóa hỗ trợ nền kinh tế của các nước trên thế giới  
trong đại dịch Covid-19 và gợi ý đối với Việt Nam  
The experience of some countries in using fiscal policies to support the economy during  
the COVID-19 pandemic and suggestions for Vietnam .....66

**PHAN THỊ CẨM GIANG**

Kết quả chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở đồng bằng sông Cửu Long trong bối cảnh biến đổi khí hậu  
The economic restructuring's results in the Mekong Delta in the context of climate change .....71

**NGUYỄN ANH VIỆT**

Chuyển đổi số ngành Du lịch Việt Nam hậu Covid- 19  
The digital transformation of Vietnam's tourism industry.....78

**NGUYỄN THU HẰNG**

Thực trạng thu hút FDI của tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2021-2022  
Vinh Phuc province's FDI attraction in 2021 - 2022.....84

**NGUYỄN THANH TÂM - VŨ ĐỨC BÌNH**

Thực trạng xuất nhập khẩu giữa Việt Nam và Trung Quốc: Cơ hội và thách thức trong bối cảnh mới  
The current bilateral trade between Vietnam and China: Opportunities and challenges in the new context .....90

**NGUYỄN THỊ THU - NGUYỄN PHƯỢNG LÊ - NGUYỄN THỊ THIÊM  
- NGUYỄN THANH PHONG - TRẦN DANH SƠN**

Đẩy mạnh xúc tiến thương mại tiêu thụ vải thiều trên địa bàn huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang  
The current trade promotion for lychee grown in Luc Ngan district, Bac Giang province .....96

**QUẢN TRỊ - QUẢN LÝ**

**TRẦN THỊ NGỌC NƯƠNG - NGUYỄN VĂN TUẤN**

Tổng quan tài liệu và những vấn đề đặt ra khi nghiên cứu về phát triển nguồn nhân lực ở Việt Nam hiện nay  
A literature review and issues raised when researching human resource development in Vietnam today.....104

**TÔ THỊ VIỆT CHÂU - TÔ THỊ ĐỨC HẠNH**

Một số giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý tài chính công đoàn hiện nay  
Some solutions to improve the trade union's financial management in Vietnam .....110

**YI KIM QUANG**

Các yếu tố ảnh hưởng đến lòng trung thành của nhân viên đối với các khách sạn 5 sao tại Thành phố Hồ Chí Minh  
Factors affecting the loyalty of employees working for the 5-star hotels in Ho Chi Minh City .....116

**LÊ THỊ BÁCH THẢO - LÊ HOÀNG MY**

Phân tích các yếu tố kinh tế xã hội của nông hộ ảnh hưởng đến rừng bảo tồn tại vùng đất than bùn tỉnh Cà Mau  
A study on the socio-economic factors of farmer households affecting the conserved peatlands forest  
in Ca Mau province .....124

**LÊ BÁ KHÁNH TRÌNH**

Luyện bản về chính sách đối với dân số già hiện nay ở Việt Nam  
Discussing the policy responding addressing population issue in Vietnam.....129

**NGÔ TRỌNG TUẤN - NGUYỄN THỊ KIM THANH**

Xây dựng mô hình nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng tới lòng trung thành điểm đến của khách du lịch  
tại các điểm đến du lịch nông nghiệp ở Việt Nam  
Developing a research model to explore the factors affecting the loyalty  
of tourists towards agricultural tourism destinations .....135

## **ĐẶNG THỊ THÚY HIỀN - HOÀNG THỊ MỘNG LIÊN**

Các yếu tố rào cản trong giảng dạy online của giảng viên Trường Du lịch - Đại học Huế

Online teaching barriers facing lecturers at the School of Hospitality and Tourism of Hue University .....142

## **NGUYỄN THỊ HỘI**

Các yếu tố tác động của các Influencer đến ý định mua hàng của gen Z trên các mạng xã hội

Factors of influencers impacting the purchase decisions of Gen Z consumers on social networks .....148

## **CAO QUỐC VINH**

Mô hình quản trị nhân sự tương lai: Sự hợp tác giữa con người và trí tuệ nhân loại

Cooperation between humans and artificial intelligence: The future human resource management model .....156

## **NGUYỄN THÚY QUỲNH LOAN - NGUYỄN VƯƠNG CHÍ - ĐOÀN TẮT PHƯƠNG NHI**

Áp dụng phương pháp SMED để giảm thời gian chuyển đổi sản phẩm tại Nhà máy Syngenta Việt Nam

The application of SMED method to reduce the changeover process time at the Syngenta Vietnam factory .....162

## **LÊ THỊ THANH LOAN**

Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tiêu dùng xanh tại thành phố Thủ Đức

Factors affecting green consumption behavior in Thu Duc City .....171

## **NÔNG THỊ HOÀNG ANH**

Hoàn thiện chính sách trong hoạt động quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường

Improving Vietnam's natural resources and environment management policy system.....176

## **LÂM THỊ MỸ LAN - NGUYỄN VĂN NHIỆM**

Thực trạng công tác quản lý nhà nước về hoạt động đầu tư xây dựng sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước của Ủy ban nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau

The current state management of construction investment using the state budget of the People's Committee of Nam Can district, Ca Mau province .....182

## **ĐỖ THỊ THẢO - NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO - NGUYỄN THỊ NHƯ HOA**

Đánh giá sự hài lòng của người học đối với chất lượng giảng dạy trực tuyến

- Trường hợp nghiên cứu Trường Du lịch - Đại học Huế

Online teaching barriers facing lecturers at the School of Hospitality and Tourism of Hue University .....188

## **TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG - BẢO HIỂM**

### **ĐÀO THỊ TUYẾT - TRẦN PHƯỚC**

Ảnh hưởng của thông tin trên báo cáo tài chính đến giá cổ phiếu của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam

The impact of information from financial statements on stock prices of companies listed on the Vietnamese stock market .....194

### **TRẦN THỊ HƯƠNG TRÀ**

Tín dụng cho học sinh, sinh viên tại TP. Cần Thơ: Thực trạng và giải pháp

The student loan program in Can Tho City: Current situation and solutions.....200

### **HOÀNG THỊ QUỲNH ANH - VŨ NGỌC THỦY TIÊN - NGUYỄN THẢO PHƯƠNG**

Nâng cao hiệu quả quản trị rủi ro tín dụng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, Chi nhánh Bắc Đồng Nai

Improving the credit risk management of the Agribank-North Dong Nai .....206

### **BÙI VĂN THỤY - TRỊNH XUÂN ANH - BÙI VĂN BÌNH**

Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định vay tiêu dùng của khách hàng cá nhân trong giai đoạn khủng hoảng kinh tế hiện nay tại Ngân hàng TMCP Á Châu, Chi nhánh Đồng Nai

Factors affecting the decision of individual customers to borrow money through consumer loans of ACB Bank - Dong Nai Branch .....212

# CÁC YẾU TỐ RÀO CẢN TRONG GIẢNG DẠY ONLINE CỦA GIẢNG VIÊN TRƯỜNG DU LỊCH - ĐẠI HỌC HUẾ

● ĐẶNG THỊ THÚY HIỀN - HOÀNG THỊ MỘNG LIÊN

## TÓM TẮT:

Mục đích của nghiên cứu nhằm xác định những rào cản trong giảng dạy online mà giảng viên Trường Du lịch - Đại học Huế gặp phải trong quá trình chuyển đổi hình thức học tập mới; từ đó đề xuất hàm ý quản trị góp phần khắc phục rào cản trong giảng dạy online của giảng viên Trường Du lịch - Đại học Huế. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng, 3 yếu tố rào cản lớn nhất trong giảng dạy online của giảng viên là thời gian, tương tác trong giảng dạy và sự hỗ trợ hạ tầng công nghệ.

**Từ khóa:** giảng viên, giảng dạy online, rào cản, Trường Du lịch - Đại học Huế.

## 1. Đặt vấn đề

Xây dựng và phát triển theo phương thức đào tạo online tại các trường học là một xu hướng tất yếu ở cả Việt Nam và trên thế giới. Trước tác động của đại dịch Covid-19, giảng dạy online trở thành phương thức chính và được áp dụng rộng rãi ở các trường học. Cho đến nay, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT vẫn cho phép giảng dạy trực tuyến tối đa 30% tổng khối lượng chương trình đào tạo. Theo chỉ đạo chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường Du lịch - Đại học Huế đã triển khai giảng dạy và học tập theo hình thức online nhằm đảm bảo tiến độ đào tạo. Ở bước đầu triển khai, việc áp dụng hình thức này gây ra một số thách thức và rào cản cho cả người học lẫn người dạy. Đặc biệt với chương trình đào tạo chuyên sâu về các kiến thức trong lĩnh vực du lịch càng đòi hỏi giảng viên

cần nhiều kiến thức và kỹ năng để đáp ứng hình thức giảng dạy mới. Xuất phát từ thực tiễn đó, nghiên cứu này được thực hiện với mục đích xác định những rào cản trong giảng dạy online mà các giảng viên Trường Du lịch - Đại học Huế gặp phải; từ đó đưa ra các hàm ý quản trị khắc phục các rào cản trong giảng dạy online của giảng viên Trường Du lịch - Đại học Huế.

## 2. Cơ sở lý thuyết

Nhiều nghiên cứu đã đề cập đến vấn đề rào cản thời gian trong giảng dạy online chẳng hạn như: hạn chế về thời gian trong việc sắp xếp đủ thời gian sử dụng máy tính (Bingimlas, 2009; Al-Senaïdi & cộng sự, 2009; Becta, 2004; Sicilia, 2005); yêu cầu khối lượng công việc lớn hơn nhiều so với lớp học truyền thống (Cavanaugh, 2005); không đủ thời gian để lên kế hoạch cho các bài học áp dụng công nghệ, khám phá các

website/phần mềm giáo dục (Sicilia, 2005); hay phải mất gấp 2 lần thời gian bình thường để chuẩn bị và giảng dạy online (Cavanaugh, 2005).

Một trong những rào cản lớn nhất trong giảng dạy online là tương tác trong giảng dạy. Giảng viên phải cố gắng để sinh viên tương tác với họ và các sinh viên khác trong lớp (Haber & Mills, 2008). Các tương tác trong lớp học online không hiệu quả và không khuyến khích sự tương tác giữa những người học để giúp họ học tốt hơn (Huỳnh Đình Lê Thu, 2023). Do thiếu sự tiếp xúc trực tiếp và trực quan với sinh viên, nhiều giảng viên gặp khó khăn trong việc cung cấp nội dung và tăng cường sự tham gia của sinh viên trong lớp học (Crawley & cộng sự, 2009).

Một số nghiên cứu khác cũng chỉ ra rằng rào cản ngăn cản giảng viên sử dụng công nghệ thông tin - truyền thông (CNTT-TT) trong giảng dạy là rào cản về tâm lý. Dưới những áp lực của việc chuyển đổi hình thức giảng dạy online, đội ngũ giảng viên ứng phó bằng cách duy trì các phương pháp giảng dạy truyền thống, tuy nhiên việc sử dụng phương pháp giảng dạy truyền thống ở môi trường học tập mới đã gây ra nhiều bất cập (Littlejohn & cộng sự, 2021). Mặc dù nhiều trường đại học đã hỗ trợ cơ sở hạ tầng công nghệ cần thiết để phục vụ cho giảng dạy online, nhưng phần lớn phản hồi của giảng viên đều xoay quanh đến niềm tin với chất lượng của học tập online (Littlejohn, 2020).

Từ những rào cản trong giảng dạy online được trình bày ở trên, căn cứ vào tình hình thực tế trong giảng dạy online của giảng viên Trường Du lịch - Đại học Huế, nghiên cứu đề xuất 5 nhóm rào cản trong giảng dạy online, gồm: (1) rào cản tâm lý, (2) rào cản thời gian, (3) rào cản khả năng sử dụng công nghệ, (4) rào cản tương tác trong giảng dạy, và (5) rào cản hỗ trợ hạ tầng công nghệ.

### **3. Phương pháp nghiên cứu**

Nghiên cứu sử dụng phương pháp nghiên cứu định lượng để đánh giá các yếu tố rào cản trong giảng dạy online của giảng viên Trường Du lịch - Đại học Huế. Số liệu sơ cấp được thu thập bằng bảng hỏi theo phương pháp điều tra toàn bộ đối với giảng viên của trường có tham gia giảng dạy online. Bảng hỏi được thiết kế theo 5 nhóm yếu tố

rào cản trong giảng dạy online của giảng viên dựa theo mô hình đã đề xuất và thang đo Likert xây dựng theo 5 mức từ 1 - Rất không đồng ý đến 5 - Rất đồng ý.

Có 70/77 bảng hỏi thu về đủ thông tin để đưa vào phân tích. Dữ liệu được tổng hợp và phân tích trên phần mềm SPSS 26.0. Để đạt được mục đích nghiên cứu, bài viết sử dụng kết hợp các phương pháp: thống kê mô tả, kiểm định độ tin cậy của thang đo, phân tích phương sai một chiều và kiểm định Independent Sample T Test.

## **4. Kết quả và thảo luận**

### **4.1. Mô tả mẫu nghiên cứu**

Trong tổng số 70 giảng viên tham gia khảo sát, giảng viên nữ chiếm tỷ lệ 64.3%. Giảng viên ở độ tuổi từ 25 - 35 tuổi chiếm tỷ lệ cao nhất với 51.7% và phần lớn có trình độ thạc sĩ chiếm 82.9%.

Số lớp học online mà giảng viên đã và đang tham gia giảng dạy trên 7 lớp học chiếm 57.1%. Đa số giảng viên sử dụng các ứng dụng như Google Meet (91.4%); Google Classroom (71.4%) và Zoom (62.9%) để giảng dạy online. Laptop là phương tiện chủ yếu giảng viên sử dụng để giảng dạy online (100%).

### **4.2. Phân tích các yếu tố rào cản trong giảng dạy online của giảng viên Trường Du lịch - Đại học Huế**

Kết quả kiểm định độ tin cậy thang đo của các nhóm yếu tố rào cản trong giảng dạy online của giảng viên cho thấy tất cả các biến đều có hệ số tương quan biến tổng lớn hơn 0,3 và hệ số Cronbach's Alpha lớn hơn 0,7. (Bảng 1)

1) *Rào cản tâm lý*: Phần lớn giảng viên đánh giá những tiêu chí ở nhóm yếu tố tâm lý không phải là rào cản quá lớn trong giảng dạy online của mình. Chỉ riêng với tiêu chí Lo ngại về hiệu quả của việc giảng dạy online thì giảng viên đánh giá với GTTB cao nhất (3.96). Kết quả phân tích cũng cho thấy, giảng viên có trình độ học vấn khác nhau thì có sự khác biệt trong đánh giá ở mức trung bình với tiêu chí Không tự tin có thể tự xử lý được những sự cố xảy ra, cụ thể giảng viên là có trình độ học vấn phổ giáo sư, tiến sĩ đánh giá ở mức rào cản thấp nhất (1.67), và ngược lại nhóm thạc sĩ đánh giá mức rào cản cao nhất (3.55).

**Bảng 1. Đánh giá của giảng viên về rào cản trong giảng dạy online**

Nội dung	GTTB	Biến độc lập				
		Giới tính	Độ tuổi	Học vấn	Khoa	Kinh nghiệm
<b>I. Rào cản tâm lý</b>						
Lo lắng về việc sử dụng các thiết bị, ứng dụng giảng dạy online	2.96	Ns	Ns	Ns	Ns	Ns
Không tự tin với phương pháp giảng dạy online	3.13	Ns	Ns	-	Ns	Ns
Không tự tin có thể tự xử lý được những sự cố xảy ra	3.41	Ns	Ns	**	Ns	Ns
Lo ngại về hiệu quả của việc giảng dạy online	3.96	Ns	*	Ns	Ns	Ns
Cảm thấy chưa sẵn sàng tham gia giảng dạy online	3.04	Ns	Ns	-	Ns	Ns
<b>II. Rào cản thời gian</b>						
Không có đủ thời gian để soạn bài giảng online	3.36	Ns	Ns	*	Ns	Ns
Mất nhiều thời gian để tìm hiểu về CNTT-TT	3.34	Ns	Ns	-	Ns	Ns
Mất nhiều thời gian để áp dụng CNTT-TT	3.30	Ns	Ns	-	Ns	Ns
Việc trao đổi online giữa giảng viên và sinh viên mất nhiều thời gian hơn trao đổi trực tiếp	3.99	Ns	**	Ns	Ns	Ns
Giảng dạy online mất nhiều thời gian giảng dạy hơn hình thức trực tiếp	3.77	Ns	*	***	Ns	Ns
Các ứng dụng giảng dạy online bị giới hạn thời gian giảng dạy	4.29	Ns	Ns	Ns	Ns	Ns
<b>III. Rào cản khả năng sử dụng công nghệ</b>						
Khó khăn trong việc sử dụng các phương tiện, thiết bị CNTT-TT trong giảng dạy online	3.04	Ns	Ns	Ns	Ns	Ns
Khó khăn trong việc sử dụng các ứng dụng CNTT-TT trong giảng dạy online	3.02	Ns	Ns	Ns	Ns	Ns
Hạn chế trong việc sử dụng có hiệu quả CNTT-TT trong giảng dạy online	3.31	Ns	Ns	-	Ns	Ns
Các ứng dụng CNTT-TT không đáp ứng đủ nhu cầu giảng dạy	3.73	Ns	Ns	-	Ns	Ns
<b>IV. Rào cản tương tác trong giảng dạy</b>						
Chỉ là bài giảng một chiều	3.74	Ns	Ns	Ns	Ns	*
Thiếu sự tương tác qua lại giữa giảng viên và sinh viên	3.80	Ns	Ns	Ns	Ns	Ns
Thiếu sự tương tác giữa các sinh viên khác với nhau	4.24	Ns	Ns	Ns	Ns	**
Lớp học có tỷ lệ phản hồi thấp và thời gian phản hồi chậm	4.14	Ns	Ns	-	Ns	**
Giảng viên không quản lý được lớp học	3.84	Ns	Ns	Ns	Ns	Ns



Nội dung	GTTB	Biến độc lập				
		Giới tính	Độ tuổi	Học vấn	Khoa	Kinh nghiệm
<b>V. Rào cản hỗ trợ hạ tầng công nghệ</b>						
Việc giảng dạy online phụ thuộc vào điện và kết nối Internet	4.51	Ns	Ns	-	Ns	Ns
Chất lượng đường truyền - tốc độ mạng internet/wifi không đáp ứng	4.19	Ns	Ns	Ns	Ns	Ns
Các ứng dụng giảng dạy online bị hạn chế thời gian và chức năng phục vụ giảng dạy online	4.19	Ns	Ns	**	Ns	Ns
Các nguồn tài nguyên/tài liệu của học online khó tiếp cận/truy cập	3.56	Ns	Ns	-	Ns	Ns
Thiếu sự hỗ trợ kỹ thuật	4.04	Ns	**	***	Ns	Ns

**Chú thích:**

Ns:  $p\text{-value (sig.)} > 0,1$ : không có sự khác biệt;  $0,05 < \text{Sig. (Value)} \leq 0,1$  (\*): Khác biệt có ý nghĩa thống kê thấp;  $0,01 < \text{Sig. (Value)} \leq 0,05$  (\*\*): Khác biệt có ý nghĩa thống kê trung bình;  $\text{Sig. (Value)} \leq 0,01$  (\*\*\*): Khác biệt có ý nghĩa thống kê cao.

Nguồn: Số liệu điều tra, 2023

(2) *Rào cản thời gian*: Đối với rào cản về thời gian để tìm hiểu, áp dụng để chuyển đổi bài giảng online thì giảng viên của trường đánh giá đây không phải là các rào cản trong giảng dạy online. Vấn đề rào cản về thời gian mà các giảng viên gặp phải liên quan đến việc quản lý thời gian trong quá trình giảng dạy online để điểm danh, trao đổi nội dung bài học, xử lý các sự cố bất ngờ,... Trong đó, Các ứng dụng giảng dạy online bị giới hạn thời gian giảng dạy có GTTB cao nhất nhóm (4.29).

Việc trao đổi online giữa giảng viên và sinh viên mất nhiều thời gian hơn trao đổi trực tiếp và Giảng dạy online mất nhiều thời gian giảng dạy hơn hình thức trực tiếp có sự khác biệt trong đánh giá của các nhóm giảng viên có độ tuổi khác nhau. Cụ thể, nhóm giảng viên có độ tuổi trên 55 tuổi đều đánh giá 2 tiêu chí này với mức độ đồng ý cao nhất (GTTB lần lượt là 3.67 và 4.33); và nhóm độ tuổi từ 46 đến 54 tuổi cùng đánh giá mức rào cản thấp nhất (2.50).

(3) *Rào cản khả năng sử dụng công nghệ*: Giảng viên đánh giá các tiêu chí trong nhóm rào cản về khả năng sử dụng công nghệ không phải là rào cản

quá lớn trong giảng dạy online. Kết quả phân tích sự khác biệt cũng cho thấy không có sự khác biệt trong đánh giá của các nhóm giảng viên.

(4) *Rào cản tương tác trong giảng dạy*: Kết quả phân tích cho thấy mức độ đồng ý cao trong đánh giá của giảng viên đối với các tiêu chí trong nhóm rào cản về tương tác trong giảng dạy. Trong đó, Thiếu sự tương tác giữa các sinh viên khác với nhau chính là tiêu chí được giảng viên đánh giá rào cản cao nhất (4.24) trong nhóm.

Có sự khác biệt trong đánh giá của các nhóm giảng viên có kinh nghiệm giảng dạy khác nhau. Cụ thể, với 3 tiêu chí Chỉ là bài giảng một chiều, Thiếu sự tương tác giữa các sinh viên khác với nhau, và Lớp học có tỷ lệ phản hồi thấp và thời gian phản hồi chậm đều được nhóm giảng viên có kinh nghiệm giảng dạy dưới 5 năm đánh giá với mức độ đồng ý cao nhất (GTTB lần lượt là 4.27; 4.73 và 4.64). Ngược lại, với nhóm giảng viên với kinh nghiệm giảng dạy từ 5 đến 10 năm đánh giá thấp nhất (GTTB lần lượt là 3.42; 4.13 và 3.83).

(5) *Rào cản hỗ trợ hạ tầng công nghệ*: giảng viên đánh giá cao các tiêu chí trong nhóm rào cản

về sự hỗ trợ hạ tầng công nghệ trong giảng dạy online của mình. Trong đó Việc giảng dạy online phụ thuộc vào điện và kết nối Internet là tiêu chí được giảng viên đánh giá với GTTB cao nhất (4.51). Có sự khác biệt trong đánh giá các tiêu chí trong nhóm rào cản hỗ trợ hạ tầng công nghệ của các nhóm giảng viên có độ tuổi và học vấn khác nhau.

### 5. Kết luận

Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra rằng, những yếu tố rào cản ảnh hưởng bởi các yếu tố khách quan như thời gian, sự tương tác trong giảng dạy và sự hỗ trợ hạ tầng công nghệ là những rào cản trong giảng dạy online của giảng viên. Đây là những rào cản mà giảng viên khó có thể quản lý và khắc phục trong khoảng thời gian ngắn. Các rào cản thuộc về cá nhân như tâm lý và khả năng sử dụng công nghệ không thực sự là những rào cản lớn trong giảng dạy online của họ.

Kết quả này sẽ góp phần đưa ra hàm ý nhằm khắc phục các rào cản trong giảng dạy online của giảng viên Trường Du lịch - Đại học Huế. Cụ thể:

*Thứ nhất*, hạn chế các rào cản về tương tác trong lớp học bằng cách khuyến khích sử dụng các câu hỏi giả định hoặc kích thích tư duy về các chủ đề liên quan đến thực tế bài học để thúc đẩy học tập cá nhân, cũng như khuyến khích sinh viên trao đổi kiến thức và kỹ năng với nhau. Giảng viên cần tạo ra một môi trường học tập có sự gần gũi và thoải mái trong việc chia sẻ ý kiến và quan điểm của mình, kết nối và tương tác trở thành một mục

tiêu quan trọng trong lớp học. Tập dụng tối đa các tính năng nâng cao của các ứng dụng học tập hoặc kết hợp thêm nền tảng mạng xã hội để tăng cường trao đổi và hỗ trợ kịp thời. Xây dựng một nhóm trao đổi giữa các giảng viên để họ có môi trường chia sẻ kinh nghiệm giảng dạy hay các “bí kíp” tăng tương tác trong lớp học online,... một cách liên tục.

*Thứ hai*, giảng viên có thể khắc phục rào cản về quản lý thời gian trong quá trình giảng dạy online bằng cách tạo ra một mô-đun/diễn đàn cho phép sinh viên làm quen với nhau và thực hành một số kỹ năng cần thiết trong lớp trước thời gian lớp học diễn ra. Nhà trường cần thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo/hướng dẫn về các vấn đề liên quan đến học tập online để giảng viên có thêm kinh nghiệm làm việc và xử lý các sự cố trong giảng dạy online. Nâng cấp tài khoản của giảng viên để họ có thể sử dụng tối đa thời gian cũng như chức năng của các ứng dụng giảng dạy.

*Thứ ba*, tăng cường sự hỗ trợ hạ tầng công nghệ cho cả giảng viên lẫn sinh viên, chú ý đến nhóm giảng viên ở độ tuổi trên 55 tuổi cũng như nhóm giảng viên trình độ thạc sĩ. Việc có sự hỗ trợ của một cán bộ chuyên phụ trách kỹ thuật là điều cần thiết. Ngoài ra, Nhà trường cần hỗ trợ nâng cấp các gói truy cập internet và các tài nguyên công nghệ cần thiết cho giảng viên. Sự hỗ trợ về hạ tầng công nghệ cũng là giải pháp góp phần giải quyết các rào cản về mặt thời gian trong giảng dạy online ■

### TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Al-Senaidi S, Lin L, & Poirot J (2009). Barriers to adopting technology for teaching and learning in Oman. *Computers & education*, 53(3), 575-590.
2. Balanskat A, Blamire R, & Kefala S (2006). A review of studies of ICT impact on schools in Europe.
3. Cavanaugh J (2005). Teaching online-A time comparison. *Online Journal of Distance Learning Administration*, 8(1), 1-9.
4. Empirica (2006). Benchmarking access and use of ICT in European schools 2006: Final report from Head Teacher and Classroom Teacher Surveys in 27 European countries. Germany: European Commission.
5. Haber J, & Mills M (2008). Perceptions of barriers concerning effective online teaching and policies: Florida community college faculty. *Community College Journal of Research and Practice*, 32(4-6), 266-283.

6. Ko S, & Rossen S (2017). Teaching online: A practical guide. Taylor & Francis.
7. Littlejohn A, Gourlay L, Kennedy, E et al (2021). Moving teaching online: Cultural barriers experienced by university teachers during covid-19. Journal of Interactive Media in Education, 2021(1).
8. Sicilia C (2005). The Challenges and Benefits to Teachers' Practices in Constructivist Learning Environments Supported by Technology. Unpublished masters thesis, McGill University, Montreal.
9. Varvel V.E (2007). Master online teacher competencies. Online Journal of Distance Learning Administration, 10(1), 1-41.

**Ngày nhận bài: 19/6/2023**

**Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 3/7/2023**

**Ngày chấp nhận đăng bài: 4/7/2023**

*Thông tin tác giả:*

**1. ThS. ĐẶNG THỊ THÚY HIỀN**

**2. ThS. HOÀNG THỊ MỘNG LIÊN**

**Khoa Quản lý lễ hành, Trường Du lịch - Đại học Huế**

## **ONLINE TEACHING BARRIERS FACING LECTURERS AT THE SCHOOL OF HOSPITALITY AND TOURISM OF HUE UNIVERSITY**

● Master. **DANG THI THUY HIEN**<sup>1</sup>

● Master. **HOANG THI MONG LIEN**<sup>1</sup>

<sup>1</sup>Faculty of Tourism Management,  
School of Hospitality and Tourism, Hue University

### **ABSTRACT:**

This study identifies the online teaching barriers that lecturers at the School of Hospitality and Tourism of Hue University face when they shift to online teaching. Based on the study's findings, three management implications are proposed to help lecturers overcome barriers in online teaching. The study finds that there are three major barriers to online teaching, including time, interaction in teaching, and IT infrastructure support.

**Keywords:** lecturers, online teaching, barriers, School of Hospitality and Tourism - Hue University.

# CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG CỦA CÁC INFLUENCER ĐẾN Ý ĐỊNH MUA HÀNG CỦA GEN Z TRÊN CÁC MẠNG XÃ HỘI

● NGUYỄN THỊ HỘI

## TÓM TẮT:

Trong môi trường phát triển nhanh chóng của các mạng xã hội, các Influencer (người ảnh hưởng) đã có những tác động không nhỏ đến hoạt động mua và bán hàng của giới trẻ. Bài báo nhằm đưa ra đánh giá về ảnh hưởng của các Influencer trên các mạng xã hội đến quyết định mua hàng của Gen Z tại Hà Nội. Nghiên cứu cho thấy, trình độ chuyên môn, độ tin cậy, sự hấp dẫn và độ liên quan có ảnh hưởng trực tiếp đến quyết định mua hàng của giới trẻ. Dựa trên kết quả này, nghiên cứu cũng đưa ra một số hàm ý cho các tổ chức, doanh nghiệp trong việc sử dụng các Influencer trong các hoạt động bán hàng và Marketing trên các nền tảng mạng xã hội.

**Từ khóa:** Influencer, Gen Z, TPB, mạng xã hội, độ tin cậy.

## 1. Đặt vấn đề

Việt Nam hiện là quốc gia có tốc độ phát triển mạng Internet và số lượng người dùng mạng xã hội rất lớn, trong đó theo Sách trắng Thương mại điện tử và Sách trắng Công nghệ thông tin (2021, 2022) thì có 70,3% tổng số người dân tại Việt Nam sử dụng mạng Internet cho nhu cầu cá nhân. Influencer marketing là một khái niệm mới nổi trong vài năm gần đây, đã trở thành một hướng marketing hữu ích cho tổ chức và người dùng. Theo báo cáo của Brandsketer Việt Nam (2021), Influencer marketing đã trở thành xu hướng, dự báo mỗi năm hình thức marketing này sẽ tăng 25% so với năm trước đó. Theo thống kê của Influencer Marketing Hub (2022) năm 2022 cho thấy: thị trường Influencer Marketing đã tăng trưởng hơn 700% trong 6 năm qua, đặc biệt là tương tác và chuyển đổi là KPI đánh giá kết quả Influencer Marketing quan trọng nhất, ngoài ra Influencer marketing mang lại kết quả tốt hơn trong đại dịch Covid-19.

Bên cạnh đó, Gen Z (Bassiouni và Hackley, 2014) được cho là những đại diện cho thế hệ người trẻ, hiện đại, sống với lý tưởng trở thành một công dân toàn cầu, nhóm người dùng này luôn chịu tác động, chi phối của truyền thông và những thông tin, tin tức cập nhật liên tục. Các thương hiệu muốn chiếm được sự tin tưởng và tạo ấn tượng tốt của đối tượng này cần có sự linh động, theo được xu hướng và lắng nghe được mong muốn của thế hệ Gen Z này. Với mục tiêu nghiên cứu tác động của các Influencer đến ý định mua hàng của Gen Z, nhóm nghiên cứu dựa trên Lý thuyết hành vi hoạch định - TPB (Ajzen, 1991) và Lý thuyết về hành động hợp lý - TRA (Ajzen và Fishbein, 1975) cùng với phương pháp định lượng thông qua việc khảo sát hơn 400 quan sát là các đối tượng GenZ trên địa bàn thành phố Hà Nội. Thông qua kiểm định độ tin cậy, phân tích nhân tố khám EFA và phân tích hồi quy của nghiên cứu đã cho thấy rằng các Influencer trên các mạng xã hội có ảnh hưởng đến ý định mua hàng của Gen Z trên các mạng xã hội.